

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT Năm học 2022-2023

Kính gửi : Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Bình Tân.

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Trường MN Hồng Ngọc xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện công khai tại cơ sở giáo dục, năm học 2022-2023 cụ thể như sau:

#### **I. Mục đích thực hiện công khai:**

1. Thực hiện công khai để người học, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá các cơ sở giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện công khai nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục và đào tạo trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo.

#### **II. Nguyên tắc thực hiện công khai:**

1. Việc thực hiện công khai của các cơ sở giáo dục và đào tạo phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này.

2. Thông tin được công khai tại các cơ sở giáo dục và đào tạo và trên các trang thông tin điện tử theo quy định tại Quy chế này phải chính xác, đầy đủ, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

#### **III. Nội dung công khai:**

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục: Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ dự kiến đạt được; chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện; kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển; các hoạt động hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non (Theo Biểu mẫu 01).

b) Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục thực tế: số trẻ em/nhóm, lớp; số trẻ em học nhóm, lớp ghép; số trẻ em học hai buổi/ngày; số trẻ em khuyết tật học hòa nhập; số trẻ em được tổ chức ăn bán trú; số trẻ em được kiểm tra sức khỏe định kỳ; kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em; số trẻ em học các

chương trình chăm sóc giáo dục, có sự phân chia theo các nhóm tuổi (Theo Biểu mẫu 02).

c) Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục mầm non: công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

## 2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

a) Cơ sở vật chất: diện tích đất, sân chơi, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng, diện tích các loại phòng học và phòng chức năng, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định; số lượng đồ chơi ngoài trời, tính bình quân trên một nhóm hoặc lớp (Theo Biểu mẫu 03).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Theo Biểu mẫu 04).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

## 3. Công khai thu chi tài chính:

a) Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:

Đối với các cơ sở giáo dục công lập: công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

Đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập: công khai tình hình hoạt động tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao môi trường. Công khai mức thu học phí, các khoản thu khác theo từng năm, số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ cho cơ sở giáo dục, các khoản thu từ viện trợ, tài trợ, quà biếu, tặng, các khoản phải nộp cho ngân sách nhà nước.

b) Học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

c) Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất,

bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

d) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

đ) Kết quả kiểm toán (nếu có): thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

#### **IV. Hình thức và thời điểm công khai:**

1. Đối với các nội dung quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 của Quy chế này:

a) Công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục và đào tạo vào tháng 6 hằng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi khai giảng năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

b) Niêm yết công khai tại bảng thông báo đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem.

2. Đối với nội dung quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4, điểm b khoản 3 Điều 5, điểm b khoản 3 Điều 6 và điểm b khoản 4 Điều 7 của Quy chế này, ngoài việc thực hiện công khai theo quy định tại điểm a và b khoản 1 của Điều này, cơ sở giáo dục và đào tạo còn phải thực hiện công khai như sau:

Niêm yết công khai tại bảng thông báo nhà trường và phổ biến trong cuộc họp cha mẹ HS đầu năm.

#### **V. Tổ chức thực hiện:**

1. Hiệu trưởng có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Ban chỉ đạo; tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo Quy chế. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

2. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới cho cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và cơ quan chủ quản (nếu có) trước 30 tháng 9 hằng năm.

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường.

4. Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

a) Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên của cơ sở giáo dục và đào tạo.

b) Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại cơ sở giáo dục và đào tạo đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

c) Đưa lên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục và đào tạo.

**Nơi nhận:**

- Phòng GD&ĐT (B/c)
- Các thành viên BCĐ (T/h)
- Lưu VP

**HIỆU TRƯỞNG**



**Phung Thuy Hoa**

Biểu mẫu 1

**BIỂU MẪU CÔNG KHAI**

(Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**THÔNG BÁO**

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường Mầm non Hồng Ngọc**

**Năm học 2022-2023**

| STT | Nội dung                                                      | Nhà trẻ                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I   | Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được. | <ul style="list-style-type: none"><li>- Hoàn thành chương trình chăm sóc giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non hiện hành, trẻ khỏe mạnh, nhanh nhẹn cơ thể phát triển hài hòa, cân đối</li><li>- Xóa SDD</li><li>- Giảm dư cân béo phì</li></ul>                           | <ul style="list-style-type: none"><li>- Hoàn thành chương trình chăm sóc giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non hiện hành, trẻ khỏe mạnh nhanh nhẹn cơ thể phát triển hài hòa cân đối</li><li>- Xóa SDD</li><li>- Giảm dư cân béo phì</li></ul>                             |
| II  | Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện        | - Chương trình giáo dục mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 và Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009) | - Chương trình giáo dục mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 và Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009) |
| III | Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển.       | <ul style="list-style-type: none"><li>• Thể chất:</li><li>- Trẻ thực hiện được vận động cơ bản và một số tổ chức vận</li></ul>                                                                                                                                                   | <ul style="list-style-type: none"><li>• Thể chất:</li><li>- Tập các động tác phát triển</li></ul>                                                                                                                                                                                |



| STT | Nội dung | Nhà trẻ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          | <p>động ban đầu (nhánh nhện, khéo léo, thăng bằng cơ thể)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động của bàn tay, ngón tay. Thực hiện phối hợp tay - mắt, phối hợp tay - chân - cơ thể, thể hiện sức mạnh của cơ bắp.</li> <li>• Tình cảm xã hội: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người sự vật gần gũi</li> <li>- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt</li> <li>- Thích hát, nghe hát và vận động theo nhạc</li> </ul> </li> <li>• Nhận thức: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thích tìm hiểu khám phá thế giới xung quanh</li> <li>- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật gần gũi quen thuộc</li> </ul> </li> <li>• Ngôn ngữ: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói</li> <li>- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói cử chỉ</li> </ul> </li> </ul> | <p>các nhóm cơ và hô hấp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập luyện các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động</li> <li>- Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe</li> <li>- Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt</li> <li>• Tình cảm xã hội: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ý thức về bản thân, có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh</li> <li>- Có một số phẩm chất: mạnh dạn, tự tin, biết chia sẻ, biết lắng nghe</li> <li>- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm chia sẻ</li> </ul> </li> <li>• Nhận thức: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ham hiểu biết, thích tìm hiểu khám phá các sự vật, thế giới xung quanh</li> <li>- Có khả năng quan sát, so sánh, phán đoán</li> <li>- Có khả năng diễn đạt tình cảm thông qua hành động và ngôn ngữ</li> <li>- Có một số khái niệm sơ đẳng về toán</li> </ul> </li> <li>• Ngôn ngữ: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng</li> </ul> </li> </ul> |

| STT | Nội dung                                                            | Nhà trẻ                                                                                                                                                                                                                         | Mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu</li> <li>- Có khả năng cảm nhận nhịp điệu, vần điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói</li> <li>- Hồn nhiên trong giao tiếp</li> </ul> | <p>ngày</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau( lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...)</li> <li>- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong đời sống hằng ngày</li> <li>- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện</li> <li>- Có khả năng cảm nhận nhịp điệu, vần điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi</li> <li>- Có một số kỹ năng ban đầu về đọc viết</li> <li>• Thẩm mỹ:</li> <li>- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật</li> <li>- Có khả năng thể hiện cảm xúc trong hoạt động âm nhạc, tạo hình</li> <li>- Yêu thích hào hứng tham gia các hoạt động nghệ thuật</li> </ul> |
| IV  | Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non | - Trẻ tham gia các hoạt động lễ hội như vui Trung Thu, lễ hội mừng xuân, lễ hội giỗ tổ Hùng Vương                                                                                                                               | - Trẻ tham gia các hoạt động lễ hội như vui Trung Thu, lễ hội mừng xuân, lễ hội giỗ tổ Hùng Vương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

Bình Tân, ngày 05 tháng 9 năm 2022



**HIỆU TRƯỞNG**

**Phùng Thúy Hoa**

Biểu mẫu 2

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế

Năm học 2022-2023

Đơn vị tính: trẻ em

| ST<br>T | Nội dung                                                        | Tổng<br>số trẻ<br>em | Nhà trẻ               |                        |                        | Mẫu giáo    |             |             |
|---------|-----------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|-------------|-------------|-------------|
|         |                                                                 |                      | 6-18<br>tháng<br>tuổi | 19-24<br>tháng<br>tuổi | 25-36<br>tháng<br>tuổi | 3-4<br>tuổi | 4-5<br>tuổi | 5-6<br>tuổi |
| I       | Tổng số trẻ em                                                  | 375                  | 14                    |                        | 28                     | 81          | 110         | 142         |
| 1       | Số trẻ em nhóm ghép                                             | 0                    |                       |                        |                        |             |             |             |
| 2       | Số trẻ em 1 buổi/ngày                                           | 0                    |                       |                        |                        |             |             |             |
| 3       | Số trẻ em 2 buổi/ngày                                           |                      |                       |                        |                        |             |             |             |
| 4       | Số trẻ em khuyết tật<br>học hòa nhập                            | 0                    |                       |                        |                        |             |             |             |
| II      | Số trẻ em được tổ<br>chức ăn bán trú                            | 375                  | 14                    |                        | 28                     | 81          | 110         | 142         |
| III     | Số trẻ em được kiểm<br>tra định kỳ sức khỏe                     | 375                  | 14                    |                        | 28                     | 81          | 110         | 142         |
| IV      | Số trẻ em được theo<br>dõi sức khỏe bằng<br>biểu đồ tăng trưởng | 375                  | 14                    |                        | 28                     | 81          | 110         | 142         |
| V       | Kết quả phát triển<br>sức khỏe của trẻ em                       | 375                  | 14                    |                        | 28                     | 81          | 110         | 142         |
| 1       | Số trẻ cân nặng bình<br>thường                                  | 374                  | 18                    |                        | 28                     | 80          | 110         | 142         |

| ST<br>T   | Nội dung                                                        | Tổng<br>số trẻ<br>em | Nhà trẻ               |                        |                        | Mẫu giáo    |             |             |
|-----------|-----------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|-------------|-------------|-------------|
|           |                                                                 |                      | 6-18<br>tháng<br>tuổi | 19-24<br>tháng<br>tuổi | 25-36<br>tháng<br>tuổi | 3-4<br>tuổi | 4-5<br>tuổi | 5-6<br>tuổi |
| 2         | Số trẻ suy dinh dưỡng<br>thể nhẹ cân                            | 01                   |                       |                        |                        | 01          |             |             |
| 3         | Số trẻ có chiều cao<br>bình thường                              | 374                  | 18                    |                        | 28                     | 81          | 110         | 142         |
| 4         | Số trẻ suy dinh dưỡng<br>thể thấp còi                           | 01                   | 01                    |                        |                        |             |             |             |
| 5         | Số trẻ thừa cân béo phì                                         | 25                   | 0                     | 0                      | 2                      | 6           | 4           | 13          |
| <b>VI</b> | <b>Số trẻ em học các<br/>chương trình chăm<br/>sóc giáo dục</b> | 375                  | 14                    |                        | 28                     | 81          | 110         | 142         |
| 1         | Chương trình giáo dục<br>nhà trẻ                                | 42                   | 14                    |                        | 28                     |             |             |             |
| 2         | Chương trình giáo dục<br>mẫu giáo                               | 333                  |                       |                        |                        | 81          | 110         | 142         |

Bình Tân, ngày 05 thán 9 năm 2022



**PHỤ TRƯỞNG**

*[Handwritten signature]*

**Phùng Thúy Hoa**

Biểu mẫu 03

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non  
năm học 2022- 2023

| STT | Nội dung                                            | Số lượng                | Bình quân                 |
|-----|-----------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------|
| I   | Tổng số phòng                                       | 36                      | Số m <sup>2</sup> /trẻ    |
| II  | Loại phòng học                                      |                         | -                         |
| 1   | Phòng học kiên cố                                   | 20                      |                           |
| 2   | Phòng học bán kiên cố                               |                         | -                         |
| 3   | Phòng học tạm                                       |                         | -                         |
| 4   | Phòng học nhờ                                       |                         | -                         |
| III | Số điểm trường                                      | 1                       |                           |
| IV  | Tổng diện tích đất toàn trường (m <sup>2</sup> )    | 3.800,56 m <sup>2</sup> | 10,13 m <sup>2</sup> /trẻ |
| V   | Tổng diện tích sân chơi (m <sup>2</sup> )           | 835,36 m <sup>2</sup>   | 2,22 m <sup>2</sup> /trẻ  |
| VI  | Tổng diện tích một số loại phòng                    |                         |                           |
| 1   | Diện tích phòng sinh hoạt chung (m <sup>2</sup> )   | 1.368m <sup>2</sup>     | 3,64 m <sup>2</sup> /trẻ  |
| 2   | Diện tích phòng ngủ (m <sup>2</sup> )               |                         |                           |
| 3   | Diện tích phòng vệ sinh (m <sup>2</sup> )           | 360m <sup>2</sup>       | 0,96m <sup>2</sup> /trẻ   |
| 4   | Diện tích hiên chơi (m <sup>2</sup> )               | 600m <sup>2</sup>       | 1,60m <sup>2</sup> /trẻ   |
| 5   | Diện tích phòng giáo dục thể chất (m <sup>2</sup> ) | 81m <sup>2</sup>        | 0,21m <sup>2</sup> /trẻ   |
| 6   | Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật                 | 68,4m <sup>2</sup>      | 0,10m <sup>2</sup> /trẻ   |



|             |                                                                                                                                 |                       |                            |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------------|
|             | hoặc phòng đa chức năng (m <sup>2</sup> )                                                                                       |                       |                            |
| 7           | Diện tích nhà bếp và kho (m <sup>2</sup> )                                                                                      | 186,51 m <sup>2</sup> | 0,49 m <sup>2</sup> /trẻ   |
| <b>VII</b>  | <b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu</b><br>(Đơn vị tính: bộ)                                                                  |                       |                            |
| <b>1</b>    | <b>Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định</b>                                                         | <b>20</b>             | 20 bộ/ 20 nhóm (lớp)       |
| <b>2</b>    | <b>Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu theo quy định</b>                                                       | <b>0</b>              |                            |
| <b>VIII</b> | <b>Tổng số đồ chơi ngoài trời</b>                                                                                               | <b>27</b>             | 27 bộ/sân chơi<br>(trường) |
| <b>IX</b>   | <b>Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v... )</b> | <b>9</b>              |                            |
| <b>IX</b>   | <b>Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác</b>                                                                                   |                       | Số thiết bị/nhóm (lớp)     |
| <b>1</b>    | Ti vi                                                                                                                           | 21                    | 1 cái/lớp<br>1 cái/HT      |
| <b>2</b>    | Nhạc cụ ( Đàn organ, ghi ta, trống)                                                                                             | 11                    | 11 cái/trường              |
| <b>3</b>    | Máy photocopy                                                                                                                   | 1                     | 1 cái/trường               |
| <b>5</b>    | Catsset                                                                                                                         | 20                    | 1 cái/lớp                  |
| <b>6</b>    | Đầu Video/đầu đĩa                                                                                                               | 20                    | 1 cái/lớp                  |
| <b>7</b>    | Đồ chơi ngoài trời                                                                                                              |                       |                            |
| <b>8</b>    | Bàn ghế đúng quy cách                                                                                                           | 400 bộ                | 400bộ/ 20 lớp              |
| <b>9</b>    | Máy vi tính + máy in                                                                                                            | 7 cái                 |                            |
| <b>10</b>   | Máy fax                                                                                                                         |                       |                            |

|    |         |       |  |
|----|---------|-------|--|
| 11 | Máy ảnh | 1 cái |  |
|----|---------|-------|--|

| X | Nhà vệ sinh             | Số lượng (m <sup>2</sup> ) |                   |        |                             |        |
|---|-------------------------|----------------------------|-------------------|--------|-----------------------------|--------|
|   |                         | Dùng cho giáo viên         | Dùng cho học sinh |        | Số m <sup>2</sup> /trẻ em   |        |
|   |                         |                            | Chung             | Nam/Nữ | Chung                       | Nam/Nữ |
| 1 | Đạt chuẩn vệ sinh*      | 3                          |                   | 20     | 0,96 m <sup>2</sup> /trẻ em |        |
| 2 | Chưa đạt chuẩn vệ sinh* | 0                          | 0                 |        |                             |        |

(\*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu-điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh )

|      |                                                      | Có | Không |
|------|------------------------------------------------------|----|-------|
| XII  | Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh                     | X  |       |
| XIII | Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)                   | X  |       |
| XIV  | Kết nối internet (ADSL)                              | X  |       |
| XV   | Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục | X  |       |
| XVI  | Tường rào xây                                        | X  |       |
| ..   | ...                                                  |    |       |

Bình Tân, ngày 05 tháng 9 năm 2022



HIỆU TRƯỞNG

Phùng Thúy Hoa

Biểu mẫu 04

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên  
của cơ sở giáo dục mầm non

Năm học 2022-2023

| S<br>T<br>T | Nội dung                                       | Tổng số | Trình độ đào tạo |         |        |        |    |            | Hạng chức danh nghề nghiệp |             |            | Chuẩn nghề nghiệp |     |     |              |
|-------------|------------------------------------------------|---------|------------------|---------|--------|--------|----|------------|----------------------------|-------------|------------|-------------------|-----|-----|--------------|
|             |                                                |         | T<br>S           | Th<br>S | Đ<br>H | C<br>Đ | TC | Dưới<br>TC | Hạng<br>IV                 | Hạng<br>III | Hạng<br>II | Tốt               | Khá | Đạt | Không<br>đạt |
|             | Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên | 44      |                  | 1       | 22     | 8      | 5  | 8          | 08                         | 23          | 04         | 25                | 08  |     |              |
| I           | Giáo viên                                      | 30      |                  |         | 19     | 7      | 04 |            | 08                         | 22          | 0          | 25                | 05  |     |              |
| 1           | Nhà trẻ                                        | 7       |                  |         | 4      | 2      | 01 |            | 03                         | 04          | 0          | 04                | 03  |     |              |
| 2           | Mẫu giáo                                       | 23      |                  |         | 15     | 5      | 05 |            | 05                         | 18          | 0          | 21                | 02  |     |              |
| II          | Cán bộ quản lý                                 | 3       |                  | 1       | 2      |        |    |            |                            |             | 3          |                   | 3   |     |              |
| 1           | Hiệu trưởng                                    | 1       |                  | 1       |        |        |    |            |                            |             | 1          |                   | 1   |     |              |
| 2           | Phó                                            | 2       |                  |         | 2      |        |    |            |                            |             | 2          |                   | 2   |     |              |

| S<br>T<br>T | Nội dung          | Tổng số | Trình độ đào tạo |         |        |        |    |            | Hạng chức danh nghề nghiệp |             |            | Chuẩn nghề nghiệp |     |     |           |
|-------------|-------------------|---------|------------------|---------|--------|--------|----|------------|----------------------------|-------------|------------|-------------------|-----|-----|-----------|
|             |                   |         | T<br>S           | Th<br>S | D<br>H | C<br>Đ | TC | Dưới<br>TC | Hạng<br>IV                 | Hạng<br>III | Hạng<br>II | Tốt               | Khá | Đạt | Không đạt |
|             | Hiệu trưởng       |         |                  |         |        |        |    |            |                            |             |            |                   |     |     |           |
| III         | Nhân viên         | 11      |                  |         | 1      | 1      | 1  | 8          |                            | 1           | 1          |                   |     |     |           |
| 1           | Nhân viên văn thư | 1       |                  |         | 1      |        |    |            |                            |             | 1          |                   |     |     |           |
| 2           | Nhân viên kế toán | 1       |                  |         |        | 1      |    |            |                            | 1           |            |                   |     |     |           |
| 3           | Thủ quỹ           | 0       |                  |         |        |        |    |            |                            |             |            |                   |     |     |           |
| 4           | Nhân viên y tế    | 1       |                  |         |        |        | 1  |            |                            |             |            |                   |     |     |           |
| 6           | Nhân viên khác    | 8       |                  |         |        |        |    | 8          |                            |             |            |                   |     |     |           |

Bình Tân, ngày 05 tháng 9 năm 2023

**HIỆU TRƯỞNG**



**Phùng Thúy Hoa**